

NGHỊ QUYẾT

Về việc Phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022
nguồn vốn ngân sách địa phương, thành phố Sóc Trăng (lần 1)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 7 (CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công.*

*Căn cứ Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định việc phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư
phát triển và các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn
ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025, tỉnh Sóc Trăng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư năm
2021 nguồn vốn ngân sách địa phương, tỉnh Sóc Trăng;*

*Xét Tờ trình số 110/TTr-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân
dân thành phố Sóc Trăng về việc phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư năm 2022
nguồn vốn ngân sách địa phương, thành phố Sóc Trăng (lần 1); Báo cáo thẩm tra
của Ban kinh tế - xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành
phố Sóc Trăng tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua các nội dung phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư
năm 2022, nguồn vốn ngân sách địa phương, thành phố Sóc Trăng (lần 1), cụ thể
như sau:

Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 sau điều chỉnh: **164.944 triệu đồng**
(Một trăm sáu mươi bốn tỷ, chín trăm bốn mươi bốn triệu đồng), trong đó:

- Vốn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu:	28.565.000.000 đồng
Từ nguồn xổ số kiến thiết:	28.565.000.000 đồng;
- Vốn phân cấp ngân sách thành phố:	125.489.000.000 đồng
+ Vốn cân đối ngân sách:	32.489.000.000 đồng;
+ Vốn thu tiền sử dụng đất:	93.000.000.000 đồng.

- **Vốn kết dư ngân sách thành phố:**

10.890.000.000 đồng

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng khóa XII, kỳ họp thứ 7 (Chuyên đề) thông qua ngày 06 tháng 9 năm 2022. / *issu*

Nơi nhận:

- TT.HĐND tỉnh;
- TT.UBND tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp; Tài chính; KH&ĐT;
- Đại biểu HĐND tỉnh, đơn vị TPST;
- TT.TU, TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN TP;
- Đại biểu HĐND TP;
- Các phòng, ban, ngành TP;
(Đảng, chính quyền, đoàn thể)
- TT.HĐND và UBND 10 phường;
- Công TTĐT UBND TPST;
- Lưu: VT. *Ru*



CHỦ TỊCH

Trần Văn Trí

Phụ lục

ĐIỀU CHỈNH, PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NSNN NĂM 2022 (LẦN 1)

(Kèm theo Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng)



Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước (trước cả năm)	Phân bổ lại, tăng, giảm			Kế hoạch vốn năm 2022 sau phân bổ, điều chỉnh	Ghi chú	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư			Tổng số	Tăng (+), giảm (-)				
					Tổng số				Trong đó: phần vốn NSNN	Giảm (-)			Tăng (+)
	Tổng số (27 dự án)												
	Vốn trong nước												
	Vốn ngoài nước												
	Vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước (I+II+III)												
I	Vốn chuẩn bị đầu tư												
II	Vốn thực hiện dự án (27 dự án)												
II.1	Vốn tính hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn xổ số kiến thiết (03 dự án)												
	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp (03 dự án)												
	<i>Công trình khởi công mới</i>												
1	Mở rộng 20 phòng học trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lý Thường Kiệt, phường 1 thành phố Sóc Trăng	P10	Xây dựng khối 20 phòng, cải tạo khối phòng học	2021-2022	Quyết định số 727/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	14.500,000	14.500,000	14.485,000	5.500,000	8.985,000		8.985,000	
2	Nâng cấp, mở rộng trường Tiểu học Phú Lợi, phường 2 thành phố Sóc Trăng.	P2	XD khối phòng, khối HC quản trị	2022	Quyết định số 1323/QĐ-UBND ngày 13/10/2021	14.975,000	14.975,000	14.975,000		10.000,000		10.000,000	
3	Cải tạo trường Trung học cơ sở Dương Kỳ Hiệp, phường 2 thành phố Sóc Trăng	P2	Cải tạo khối phòng học, các HM phụ trợ	2022	Quyết định số 1357/QĐ-UBND ngày 26/10/2021	9.700,000	9.700,000	9.700,000		9.580,000		9.580,000	
II.2	Vốn phân cấp ngân sách thành phố (22 dự án)												
II.2.1	Vốn Cân đối ngân sách thành phố (06 dự án)												
	Giao thông (04 dự án)												
	<i>Công trình khởi công mới</i>												



STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước (ước cả năm)	Phân bổ lại, tăng, giảm			Kế hoạch vốn năm 2022 sau phân bổ, điều chỉnh	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư				Tổng số	Tăng (+), giảm (-)			
						Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN				Giảm (-)	Tăng (+)		
1	Nâng cấp Hẻm 962 (đoạn từ đường Võ Văn Kiệt đến km0+550m) phường 10, thành phố Sóc Trăng	P10	Chiều dài tuyến khoảng: L= 550m, bề rộng nền đường 14m kết cấu mặt đường đá đầm láng nhựa, Hệ thống chiếu sáng; Hệ thống thoát nước	2022	Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	14.939,340	14.939,340	14.231,000		12.435,815		1.749,489	14.185,304	
2	Cải tạo nâng cấp hẻm 36 (đoạn từ đường Huỳnh Phan Hộ đến đường Kênh 30/4) phường 6, thành phố Sóc Trăng	P6	Chiều dài tuyến: L= 322m; Mặt đường rộng: 8m, lề đường 1,5m x 2; thảm nhựa nóng BTNC hạt mịn dày 7cm; Tuyến nhánh Chiều dài tuyến: L = 60m; bê tông cốt thép dày 14cm	2022	Quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 04/10/2021	6.626,075	6.626,075	7.125,000		6.065,515	-19,792		6.045,723	
3	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Trường Tộ, phường 7 thành phố Sóc Trăng	P7	Chiều dài tuyến: 1980m	2022	Quyết định số 1500/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	8.266,718	8.266,718	7.885,000		6.797,911		849,103	7.647,014	
4	Nâng cấp, sửa chữa và xây mới 02 cầu đường Chông Chác, phường 5, thành phố Sóc Trăng	P5	Chiều dài tuyến: 5300m; Xây mới 2 cầu: cầu kênh 77 và cầu kênh 2/9	2022	Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	6.996,738	6.996,738	6.650,000		6.019,856		563,890	6.583,746	
5	Cải tạo, nâng cấp đường Lý Thường Kiệt (đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường 9B Khu dân cư 9A) phường 4 thành phố Sóc Trăng	P4	Phần đường: tổng chiều dài tuyến 2000m, mặt đường phân xe chạy rộng 9m; kết cấu mặt đường bê tông nhựa nóng, kẻ vạch tim đường	2022	Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	14.896,812	14.896,812	14.155,000		12.327,367		1.827,633	14.155,000	
6	Nâng cấp, mở rộng đường Văn Ngọc Chính (đoạn từ trường Tiểu học Lê Hồng Phong đến cầu Tà Lách), phường 3 thành phố Sóc Trăng	P3	Chiều dài tuyến khoảng 820m, bề rộng đường 15m ; Mặt đường láng nhựa 2 lớp dày 2,5cm	2022	Quyết định số 1524/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	14.900,000	14.900,000	14.240,500		12.539,682	-1.540,117		10.999,565	
7	Cải tạo mặt đường Tôn Đức Thắng - đường Lương Định Của (Đoạn từ Cây xăng Nam Sông Hậu đến Quốc Lộ 60), phường 5 thành phố Sóc Trăng	P5	Chiều dài tuyến khoảng: 1.520m, Lớp bê tông nhựa C12.5, dày 7cm	2022	Quyết định số 1169/QĐ-UBND ngày 13/9/2021	11.606,256	11.606,256	11.162,500				891,853	891,853	
8	Cải tạo, nâng cấp bờ kè sông Maspéro (đoạn từ Cầu C247 đến Cầu 30/4) thành phố Sóc Trăng	TPST	Mở rộng mặt bờ kè vị trí lỗi lên xuống hiện hữu bờ kè phía đường Lý Thường Kiệt; Lát mới nền đá granite nhám khô; Mở rộng mặt sàn bờ kè rộng thêm 3,0m	2021-2022	Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 31/8/2021	14.950,000	9.950,000	9.950,000				402,188	402,188	
	Lĩnh vực giáo dục (01 giáo dục)					4.199,514	4.199,514	4.190,000	-	3.980,500	-14,897	-	3.965,603	
	Công trình khởi công mới									-				



STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước (ước cả năm)	Phân bổ lại, tăng, giảm			Kế hoạch vốn năm 2022 sau phân bổ, điều chỉnh	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư				Tổng số	Tăng (+), giảm (-)			
						Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN				Giảm (-)	Tăng (+)		
1	Xây dựng công hàng rào, sân đường, nhà xe một số trường Tiểu học trên địa bàn thành phố Sóc Trăng	TPST	Hàng rào, sân đường, nhà xe	2022	Quyết định số 1395/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	4.199,514	4.199,514	4.190,000	-	3.980,500	-14,897		3.965,603	
	Lĩnh vực Văn hóa (01 dự án)					2.399,000	2.399,000	2.279,050	-	2.166,177	0,000	4,599	2.170,776	
	<i>Công trình khởi công mới</i>													
1	Trang trí bờ kè và hệ lan can đèn Led nghệ thuật (đoạn từ cầu C247 đến cầu 30/4) thành phố Sóc Trăng	TPST	Tổng chiều dài 673m	2022	Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 28/10/2021	2.399,000	2.399,000	2.279,050		2.166,177		4,599	2.170,776	
	Lĩnh vực quản lý nhà nước (06 dự án)					9.533,571	9.533,571	9.880,000	-	8.830,946	-789,069	31,561	8.073,438	-
	<i>Công trình khởi công mới</i>													
1	Cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân phường 2, Ủy ban nhân dân phường 3, Ủy ban nhân dân phường 4 thành phố Sóc Trăng	P2,3,4	Sơn bê tường trong, ngoài và hàng rào, thay tole chống dột, thay mới la phong, xử lý chống thấm; Ốp gạch chân tường cao 25cm	2022	Quyết định số 1186/QĐ-UBND ngày 27/9/2021	851,000	851,000	808,450		750,114		21,887	772,001	
2	Cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân phường 9, Ủy ban nhân dân phường 10 thành phố Sóc Trăng	P9,10	Sơn bê đồng bộ toàn nhà, thay la phong trong WC, xử lý thấm trần, hộp gen, ốp chân tường 25cm.	2022	Quyết định số 1243/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	1.451,764	1.451,764	1.437,350		1.340,654	-50,394		1.290,260	
3	Cải tạo sửa chữa trụ sở các khóm trên địa bàn phường 6, phường 7, phường 8, phường 9, phường 10 thành phố Sóc Trăng	P6,7,8,9,10	Sơn lại trụ sở bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ; thay tole, la phong; thay gạch lát nền; xử lý chống dột; ...	2022	Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	4.098,439	4.098,439	4.336,750		3.858,833	-420,661		3.438,172	
4	Cải tạo sửa chữa trụ sở các khóm trên địa bàn phường 2, phường 3, phường 4, phường 5 thành phố Sóc Trăng	P2,3,4	Sơn lại trụ sở bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ; thay tole, la phong; xử lý chống dột; sơn các loại cửa sắt...	2022	Quyết định số 1212/QĐ-UBND ngày 04/10/2021	1.673,124	1.673,124	1.721,400		1.562,660	-273,360		1.289,300	
5	Cải tạo sửa chữa trụ sở phường đội phường 2, phường 3, phường 4 phường 5 thành phố Sóc Trăng	P2,3,4	Sơn lại trụ sở bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ; thay tole, la phong; thay gạch lát nền; xử lý chống dột; ...	2022	Quyết định số 1244/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	629,000	629,000	597,550		547,122		9,674	556,796	
6	Cải tạo sửa chữa trụ sở phường đội phường 7, phường 8, phường 10 thành phố Sóc Trăng	P7,8,10	Sơn lại trụ sở bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ; thay tole, la phong; thay gạch lát nền; xử lý chống dột; ...	2022	Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	830,243	830,243	978,500		771,563	-44,654		726,909	
	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật (01 dự án)					14.949,999	9.950,000	9.950,000	-	9.750,456	0,000	-	9.750,456	



STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước (ước cả năm)	Phân bổ lại, tăng, giảm			Kế hoạch vốn năm 2022 sau phân bổ, điều chỉnh	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư				Tổng số	Tăng (+), giảm (-)			
						Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN				Giảm (-)	Tăng (+)		
	<i>Công trình khởi công mới</i>													
1	Trung tâm điều hành đô thị thông minh thành phố Sóc Trăng	P2	Thiết bị công nghệ thông tin, cài tạo phòng họp thông minh	2021-2022	Quyết định số 1310/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	14.949,999	9.950,000	9.950,000		9.750,456			9.750,456	
	Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (01 dự án)													
	<i>Công trình khởi công mới</i>													
1	Gia cố mái taluy kênh Nhân Lực (từ đường Mạc Đĩnh Chi đến kênh Cô Bắc), phường 9 thành phố Sóc Trăng	P9	Tường chắn đất dài 23 mét đoạn giáp nối bên phải tuyến với cống qua đường Mạc Đĩnh Chi bằng BTCT dày 25cm, móng đóng cọc BTCT 25x25 dài 8 mét	2022	Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	8.800,000	8.800,000	8.800,000		7.597,263		325,253	7.922,516	
	Thanh toán công tác quyết toán công trình, tất toán tài khoản các công trình đã được phê duyệt quyết toán													
III	Nguồn kết dư ngân sách (02 dự án)													
III.1	Từ nguồn kinh phí tiết kiệm chi năm 2020 chưa sử dụng chuyển sang năm 2021													
	Lĩnh vực Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp													
1	Cải tạo 04 phòng học Trường Mẫu giáo Ân Xuân (điểm lẻ), thành phố Sóc Trăng	P8	Cải tạo 04 phòng học, nhà vệ sinh và sân đường thoát nước	2022	Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 21/01/2022	690,000	690,000	690,000				690,000	690,000	
III.2	Từ ngân sách thành phố													
	Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn													
1	Mở rộng vỉa hè bờ kè sông Maspero (đoạn từ cầu C247 đến cầu 30/4) thành phố Sóc Trăng	TPST	Phạm vi mở rộng 2m, bề rộng trung bình 7m	2022	Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 15/8/2022	10.200,000	10.200,000	10.200,000				10.200,000	10.200,000	